xìng yáo

姓姚

verb · have the surname Yao

Example Sentences

nà wèi xìng yáo de yǎn yuán yǎn guò hěn duō diàn yǐng
那位姓姚的演员演过很多电影。

That actor who has the surname Yao has acted in many movies.

xìng yáo de chú shī zuò de cài fēi cháng hǎo chī
姓姚的厨师做的菜非常好吃。

The chef who has the surname Yao cooks very delicious food.

Trace each character, then write the word on your own.

姓 姓 姓 姓 姓 姓 姓 姓 姓 姓 姓

姚 姚 姚 姚 姚 姚 姚 姚 姚 姚 姚

姚